

HUYỆN ỦY BẢO LÂM
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 78-HD/TG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bảo Lâm, ngày 29 tháng 12 năm 2022

HƯỚNG DẪN
Công tác tuyên truyền tháng 01 năm 2023

Thực hiện Hướng dẫn số 114-HD/BTGTU, ngày 27/12/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, trong tháng 01 năm 2023, ngoài các nội dung đã có định hướng tuyên truyền chuyên đề, Ban Tuyên giáo Huyện ủy đề nghị các cơ quan thông tin tuyên truyền, địa phương, đơn vị chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa nhân sự kiện các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, địa phương trong tháng: *Kỷ niệm ngày Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam (06/01), Ngày truyền thống học sinh, sinh viên (09/01), Ngày truyền thống Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam (10/01), Ngày ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/01) và các ngày lễ kỷ niệm khác.* Đặc biệt tập trung tuyên truyền:

- ***Kỷ niệm 50 năm Ngày ký Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/01/1973 - 27/01/2023):*** tuyên truyền nhằm giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức sâu sắc về bản lĩnh, trí tuệ, sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trên mặt trận ngoại giao, góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; phát huy cao độ những bài học kinh nghiệm từ cuộc đàm phán, ký Hiệp định Paris để xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của đất nước.

- ***Kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2023):*** tuyên truyền về truyền thống lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam; những thắng lợi vĩ đại và thành tựu to lớn của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; khẳng định vai trò, uy tín, bản lĩnh, trí tuệ và năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng trong suốt chặng đường cách mạng 93 năm qua.

2. Tuyên truyền chủ đề “*Mừng Đảng - Mừng Xuân*” nhằm tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong toàn xã hội, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng năm 2022 và các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn huyện.

3. Tuyên truyền kết quả Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XV (*Gửi kèm Đề cương tuyên truyền*).

4. Tuyên truyền phản ánh công tác chuẩn bị hàng hóa phục vụ Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; công tác kiểm tra, kiểm soát, bình ổn thị trường; công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, cách nhận biết thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, chú trọng kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng theo giá niêm yết, chống đầu cơ, găm hàng tăng giá bất hợp lý gắn với việc thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, đưa hàng về vùng sâu, vùng xa đảm bảo nhu cầu, chất lượng hàng hóa.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các hoạt động thăm hỏi, chúc tết, tặng quà của các cấp, các ngành đối với các gia đình chính sách, người có công với cách mạng, người nghèo, các gia đình bị ảnh hưởng do dịch bệnh, thiên tai, các đơn vị lực lượng vũ trang và lực lượng khác làm nhiệm vụ trong những ngày Tết. Tích cực vận động, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát huy truyền thống tương thân, tương trợ giúp đỡ người nghèo, người già cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ và những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; đảm bảo cho mọi người, mọi nhà, ai cũng được đón tết trong không khí đầm ấm, nghĩa tình.

6. Tuyên truyền công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; hạn chế tối đa tình trạng ùn tắc giao thông, cháy nổ trước, trong và sau Tết Nguyên đán; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ.

7. Tuyên truyền Quyết định số 89 QĐ/TW, ngày 01/12/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “*về việc ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật Đảng của cấp ủy*”.

8. Tuyên truyền kỷ niệm 110 năm Ngày thành lập tỉnh Kon Tum (09/02/1913-09/02/2023): theo tinh thần Công văn số 1406-CV/BTGTU, ngày 05/12/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kon Tum “*về việc đề nghị phối hợp tuyên truyền*”; trong đó chú trọng tuyên truyền sự kiện thành lập, quá trình hình thành, xây dựng và phát triển tỉnh Kon Tum trong 110 năm qua; truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng bộ, chính quyền, lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc tỉnh Kon Tum trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Những thành tựu đạt được của tỉnh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là sau 32 năm Ngày thành lập lại tỉnh Kon Tum (*Gửi kèm Đề cương tuyên truyền*).

9. Đẩy mạnh tuyên truyền các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định, đặc biệt là dịch Covid-19, sốt xuất huyết, các dịch bệnh có nguy cơ phát sinh, bùng phát trong mùa Đông - Xuân; đảm bảo tuyệt đối an toàn các hoạt động lễ hội, du xuân, nơi tập trung đông người... có phương án, kịch bản chủ động ứng phó với tình hình dịch bệnh.

10. Tăng cường tuyên truyền biển, đảo: Phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước ta về các vấn đề có liên quan tới biển, đảo; tuyên truyền những cơ sở, chứng cứ lịch sử và pháp lý khẳng định chủ quyền

của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; tăng cường công tác nắm dư luận trong các tầng lớp Nhân dân.

11. Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về những thành tựu của đất nước, địa phương; các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội trong dịp Tết; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Trên đây là Hướng dẫn tuyên truyền tháng 01 năm 2023, đề nghị các Tổ chức cơ sở đảng; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện; các cơ quan thông tin, tuyên truyền; đơn vị, địa phương trong huyện triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban TGTU(b/c),
- Thường trực HU(b/c),
- Các TCCSĐ,
- MTTQ&ĐT huyện,
- Phòng VH,TT huyện,
- TT VH,TT&TT huyện,
- Lưu.

**KT TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hương

ĐỀ CƯƠNG

Tuyên truyền kết quả của Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV

I. BỐI CẢNH, NỘI DUNG CỦA KỲ HỌP

1. Bối cảnh

Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV, đây là kỳ họp cuối năm của Quốc hội, giữa nhiệm kỳ, khối lượng công việc rất lớn diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội có những thuận lợi, thời cơ: kinh tế khởi sắc sau đại dịch Covid -19 và có nhiều dấu ấn nổi bật; an sinh xã hội bảo đảm, đời sống của Nhân dân được cải thiện, giữ vững môi trường hòa bình, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội,... góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và Quốc hội. Bên cạnh những kết quả quan trọng, đất nước ta đối mặt với biến động phức tạp, khó lường của tình hình kinh tế, an ninh, chính trị trên thế giới, như: xung đột Nga - Ukraina, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, nguy cơ suy thoái kinh tế thế giới, dịch bệnh,... dự báo có ảnh hưởng lớn làm chậm quá trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

2. Nội dung của Kỳ họp

Quốc hội tập trung xem xét, cho ý kiến quyết định các nội dung quan trọng: thông qua 06 luật, 13 nghị quyết, tiếp thu, chỉnh lý 01 dự án luật và cho ý kiến lần đầu đối với 07 dự án luật khác; giám sát tối cao chuyên đề “việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021”; tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn; xem xét, quyết định các vấn đề về nhân sự, kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước; xem xét các báo cáo về kiến nghị của cử tri, công tác tư pháp, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, thi hành án, phòng, chống tham nhũng và giải quyết các kiến nghị của cử tri cùng một số nội dung quan trọng khác

II. KẾT QUẢ CỦA KỲ HỌP

1. CÔNG TÁC LẬP PHÁP

1.1. Các luật được Quốc hội thông qua, gồm:

- *Luật Dầu khí* được sửa đổi nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dầu khí, cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút các nguồn lực (từ các thành phần kinh tế, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước) xử lý, tháo gỡ những hạn chế, vướng mắc trong quy định của pháp luật về dầu khí, tạo điều kiện để khai thác tốt nhất tiềm năng dầu khí trong nước, phát huy hiệu quả sử dụng nguồn khí tự nhiên, tận dụng giai đoạn nhu cầu năng lượng hóa thạch vẫn còn cao và các dạng năng lượng mới trong lĩnh vực dầu khí. Luật gồm 11 chương và 69 điều, trong đó tập trung bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến điều tra cơ bản về dầu khí; hợp đồng dầu khí; hoạt động dầu khí; chính sách ưu đãi và chính sách khai thác tận thu đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí khai thác tận thu; công tác kế toán, kiểm toán, quyết toán đối với hoạt động dầu khí; chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- *Luật Phòng, chống bạo lực gia đình* được sửa đổi nhằm thể chế hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng để “phát triển gia đình hạnh phúc, bền vững và thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình toàn diện, khả thi, có hiệu quả”, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các thiết chế nhà nước, xã hội, cũng như vai trò của gia đình

trong phòng, chống bạo lực gia đình, góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Luật gồm 6 chương và 56 điều tập trung vào 5 nhóm mới, đó là: (1) Với phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người và lấy người bị bạo lực gia đình làm trung tâm, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến hành vi bạo lực gia đình, nhóm đối tượng được áp dụng tương tự. (2) Thực hiện phòng ngừa bạo lực gia đình chủ động, trong phòng có chống, trong chống có phòng thể hiện tại các quy định đã được sửa đổi, bổ sung về thông tin, truyền thông, giáo dục, tư vấn, hòa giải, tiếp nhận tin báo, tố giác... và bổ sung “Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình” là địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác về bạo lực gia đình. (3) Sửa đổi, bổ sung các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình. (4) Khuyến khích xã hội hóa công tác phòng, chống bạo lực gia đình, đồng thời nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong bố trí nguồn lực cho phòng, chống bạo lực gia đình để hướng tới xây dựng và phát triển các cơ sở trợ giúp về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả. (5) Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc báo cáo Quốc hội việc thực hiện Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và bổ sung một số trách nhiệm mới của các bộ, ngành có liên quan cũng như trách nhiệm của Công an xã trong phòng, chống bạo lực gia đình.

- *Luật Thanh tra* được sửa đổi nhằm thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng; tiếp tục cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, nhất là những nội dung mới về kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; khắc phục những hạn chế, vướng mắc của Luật hiện hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động thanh tra đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Luật gồm 08 chương và 118 điều, quy định về: mục đích, nguyên tắc hoạt động thanh tra, chức năng của cơ quan thanh tra, hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra; tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; hoạt động thanh tra hành chính và hoạt động thanh tra chuyên ngành; thực hiện kết luận thanh tra; phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm toán nhà nước, điều tra và điều kiện bảo đảm hoạt động thanh tra.

- *Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở* được ban hành nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò làm chủ của Nhân dân với phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” và thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng; tiếp tục cụ thể hóa quyền làm chủ của Nhân dân, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Luật gồm có 06 chương, 91 điều quy định về: phạm vi, nguyên tắc và các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền, nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở, các hành vi bị nghiêm cấm và xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, thực hiện dân chủ ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

và thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động (gồm doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài Nhà nước). Ở mỗi loại hình cơ sở, Luật quy định cụ thể những nội dung chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước phải công khai; những nội dung Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia ý kiến, bàn, quyết định, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm để Nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện* được xây dựng nhằm tiếp tục thể chế chủ trương, chính sách có liên quan của Đảng và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Luật đã sửa đổi, bổ sung 30 điều, trong đó có 19 điều sửa đổi, bổ sung về nội dung, 09 điều sửa đổi, bổ sung về kỹ thuật, bãi bỏ một số quy định tại 02 điều; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Đầu tư. Luật quy định các nhóm vấn đề về: quy hoạch băng tần, cấp phép sử dụng tần số vô tuyến điện và chế tài xử lý vi phạm; các khoản thu từ việc sử dụng tần số vô tuyến điện; cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên; kiểm tra, kiểm soát tần số vô tuyến điện, xử lý nhiễu có hại, đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số, quỹ đạo vệ tinh và sử dụng tần số phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội.

- *Luật Phòng, chống rửa tiền* được sửa đổi nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tương thích với các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến lĩnh vực phòng, chống rửa tiền và khắc phục những hạn chế, bất cập sau 10 năm thi hành Luật; thể hiện Việt Nam là thành viên của khu vực cũng như trên thế giới có trách nhiệm trong công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Luật gồm 04 chương và 66 điều quy định các nội dung cơ bản về phòng, chống rửa tiền; đánh giá mức độ rủi ro quốc gia, đối tượng báo cáo về rửa tiền; nhận biết khách hàng và cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; trách nhiệm xây dựng quy định nội bộ và báo cáo; cung cấp, lưu trữ hồ sơ, thông tin về phòng, chống rửa tiền; thực hiện thu thập, xử lý, phân tích, chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền và áp dụng các biện pháp tạm thời; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong phòng, chống rửa tiền.

- *Nội quy kỳ họp Quốc hội* được sửa đổi nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả của kỳ họp Quốc hội trong việc đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội; nội quy hóa những cải tiến, đổi mới về công tác tổ chức và tiến hành kỳ họp Quốc hội đã được kiểm nghiệm có hiệu quả qua thực tiễn từ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV đến nay để áp dụng thống nhất. Nội quy gồm 03 chương và 58 điều với những điểm mới chủ yếu: Bổ sung các quy định về tổ chức kỳ họp bất thường; hình thức làm việc trực tuyến; quyền tranh luận của đại biểu Quốc hội. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tài liệu phục vụ kỳ họp Quốc hội. Quy định rõ trách nhiệm của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội được phân công điều hành phiên họp toàn thể, trách nhiệm của đại biểu Quốc hội khi tranh luận, thảo luận tại phiên họp; trách nhiệm trong việc đề xuất biểu quyết một số vấn đề trước khi thông

qua toàn văn luật, nghị quyết; trách nhiệm giải trình làm rõ ý kiến thảo luận ở Tổ; hồ sơ, trình tự Quốc hội xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội và giao Chính phủ chủ trì tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết về các vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội; trình tự Quốc hội xem xét đề nghị của Chủ tịch nước về việc xem xét lại pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; quy trình, thủ tục ban hành nghị quyết kỳ họp Quốc hội và trách nhiệm chuẩn bị, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết kỳ họp Quốc hội.

- *Nghị quyết về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô* được ban hành nhằm đáp ứng nhu cầu của một bộ phận không nhỏ người mua xe muốn được cấp biển số xe theo mong muốn cá nhân; bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả trong công tác quản lý phương tiện giao thông đường bộ; tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Nghị quyết gồm 07 điều quy định thí điểm đấu giá biển số xe ô tô bao gồm: biển số xe ô tô đưa ra đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản, hình thức, phương thức, trình tự, thủ tục đấu giá; đấu giá trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá; quyền và nghĩa vụ của người trúng đấu giá biển số xe ô tô.

- *Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk* được ban hành nhằm thể chế hóa Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về “xây dựng văn bản pháp luật cho phép thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù”. Nghị quyết gồm 8 điều quy định về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù trong việc quản lý tài chính, ngân sách; ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; quản lý quy hoạch; ưu đãi cho chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt.

1.2. Các dự án luật được Quốc hội cho ý kiến, gồm:

- *Dự án Luật Khám bệnh, chữa bệnh (sửa đổi)*: Đây là Luật có ý nghĩa quan trọng, tác động lớn đến người dân, định hướng công tác quản lý, sự phát triển trước mắt và lâu dài của ngành Y tế. Quốc hội đã thảo luận kỹ lưỡng các nội dung liên quan đến: quy định đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; quy định chuyên môn kỹ thuật; cấp chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; xã hội hóa trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; quy định bảo đảm an ninh trật tự cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; quy định bảo đảm an ninh trật tự cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và an toàn cho người hành nghề và người khác làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh... Sau khi xem xét kỹ lưỡng, cân nhắc thận trọng, toàn diện, Quốc hội đã quyết định chưa thông qua Luật này tại kỳ họp thứ 4 để có thêm thời gian chuẩn bị nội dung mới được đề nghị bổ sung một cách kỹ lưỡng hơn, tiếp tục tiếp thu, chỉnh lý, lấy ý kiến chuyên gia và đối tượng chịu sự tác động, hoàn thiện dự thảo Luật.

- *Dự án Luật Đất đai (sửa đổi)* được xây dựng để thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, hoàn thiện thể chế, chính sách về đất đai phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giải quyết tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn trong các chính sách, pháp luật có liên quan đến đất đai; bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo động lực để nước ta trở thành

nước phát triển có thu nhập cao. Quốc hội đã tập trung thảo luận vào những nội dung: đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; quy định cụ thể hơn về các trường hợp Nhà nước thu hồi đất vì mục tiêu quốc phòng, an ninh; quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cơ chế xác định giá đất, chính sách tài chính về đất đai; các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản; cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất nông nghiệp; đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai...

- *Dự án Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)* được xây dựng nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, khắc phục những tồn tại, bất cập đặt ra trong thực tiễn. Quốc hội đã tập trung thảo luận vào các nội dung chủ yếu về: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dễ bị tổn thương; bảo vệ thông tin và sử dụng thông tin của người tiêu dùng; trách nhiệm bảo đảm an toàn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng; trách nhiệm thu hồi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật; miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật gây ra; chính sách của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong các giao dịch đặc thù; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; cơ chế giải quyết tranh chấp; vai trò, trách nhiệm của tổ chức xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cơ chế phối hợp; vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương...

- *Dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)* được xây dựng để kịp thời khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật hiện hành; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước. Quốc hội đã tập trung thảo luận những nội dung về: phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng. Các quy định sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu, trong đó làm rõ tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư; ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu; bảo đảm dự thầu; hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu; các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Các quy định sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, cắt giảm thời gian, chi phí trong hoạt động đấu thầu, trong đó về đấu thầu trước; quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu. Các quy định sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đấu thầu; phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đấu thầu; đấu thầu qua mạng, đấu thầu tập trung, mua thuốc, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công...

- *Dự án Luật Giá (sửa đổi)* được xây dựng nhằm hoàn thiện thể chế pháp luật giá đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới, khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật hiện hành, góp phần tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. Quốc hội đã tập trung thảo luận những nội dung về: phạm vi sửa đổi; nguyên tắc quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; các hành vi bị nghiêm cấm; nhiệm

vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước; Quỹ bình ổn giá; cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; việc công khai thông tin; quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh, người tiêu dùng; quản lý về giá, thẩm định giá; căn cứ, phương pháp, nguyên tắc định giá; thẩm định giá của nhà nước; hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá; dịch vụ thẩm định giá; đăng ký hành nghề thẩm định giá; thẩm định viên về giá; điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kê khai giá, niêm yết giá, tham chiếu giá; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; hiệu lực thi hành...

- *Dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)* được xây dựng nhằm thể chế quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng. Quốc hội đã tập trung thảo luận về những nội dung: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, tên gọi của Luật; bố cục của dự thảo Luật; sự phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử; giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu; gửi nhận thông điệp dữ liệu; chứng thư điện tử; chữ ký điện tử; điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy; giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử; giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số; công chứng, chứng thực điện tử; tài khoản định danh điện tử; hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; an toàn thông tin và an ninh mạng trong giao dịch điện tử...

- *Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi)* được xây dựng nhằm thể chế đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, hoàn thiện cơ sở pháp lý thống nhất, đầy đủ, góp phần thúc đẩy việc phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững, cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của các thành viên, hộ gia đình, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quốc hội đã tập trung thảo luận về những nội dung chính sau: tên gọi của Luật; việc cho phép thành lập Liên đoàn Hợp tác xã; phân loại hợp tác xã; vị trí, vai trò hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; việc thể chế hóa nội dung 08 chính sách tại Nghị quyết số 20-NQ-TW; chính sách của Nhà nước về phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác; tiêu chí, nguồn vốn thực hiện chính sách; Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; số lượng thành viên hợp tác xã; người lao động trong tổ chức kinh tế hợp tác; lợi nhuận và thu nhập; kiểm toán hợp tác xã; quyền và nghĩa vụ của Đại hội thành viên; trích lập quỹ chung không chia; xử lý tài sản và vốn khi tổ chức kinh tế hợp tác có tư cách pháp nhân giải thể, phá sản; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước...

- *Dự án Luật Phòng thủ dân sự* được xây dựng nhằm thể chế quan điểm của Đảng và hoàn thiện cơ sở pháp lý về lĩnh vực phòng thủ dân sự. Quốc hội đã tập trung thảo luận vào các nội dung chủ yếu về: phạm vi điều chỉnh; khái niệm “Phòng thủ dân sự”; phân loại thảm họa, sự cố về đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố; quy định 04 cấp độ phòng thủ dân sự và thẩm quyền công bố cấp độ

phòng thủ dân sự; hoạt động phòng thủ dân sự trong tình trạng khẩn cấp; xây dựng công trình phòng thủ dân sự; cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự lực lượng phòng thủ dân sự; Quỹ phòng thủ dân sự; đào tạo, huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng phòng thủ dân sự; phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự; nhiệm vụ của lực lượng quân đội trong phòng thủ dân sự; xử lý vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự...

2. Xem xét các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và quyết định các vấn đề quan trọng

Sau khi xem xét các báo cáo về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2022, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Quốc hội khẳng định dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, kịp thời của Đảng; quyết sách phù hợp, chủ động và giám sát có hiệu quả của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành sâu sát, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, chúng ta đã thực hiện thắng lợi, khá toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2022, ước cả năm đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu đề ra, Quốc hội đã biểu quyết thông qua các nghị quyết sau:

2.1. Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023: Quốc hội đã quyết định mục tiêu tổng quát, 15 chỉ tiêu, 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó yêu cầu: Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Giữ vững độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

Quốc hội yêu cầu Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết; kêu gọi đồng bào,

chiến sỹ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình thế giới, trong nước, hỗ trợ phục hồi và phát triển, thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tạo đà thuận lợi để phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

2.2. Nghị quyết về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023: Quốc hội quyết định tổng số thu ngân sách nhà nước là 1.620.744 tỷ đồng; tổng số chi ngân sách nhà nước là 2.076.244 tỷ đồng; mức bội chi ngân sách nhà nước là 455.500 tỷ đồng (tương đương 4,42% GDP); tổng mức vay của ngân sách nhà nước là 648.213 tỷ đồng.

Từ ngày 01/7/2023 thực hiện tăng lương cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức lên mức 1,8 triệu đồng/tháng; tăng 12,5% lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối tượng do ngân sách nhà nước bảo đảm và hỗ trợ thêm đối với người nghỉ hưu trước năm 1995 có mức hưởng thấp; tăng mức chuẩn trợ cấp người có công bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo khu vực thành thị và tăng 20,8% chi các chính sách an sinh xã hội đang gắn với mức lương cơ sở. Từ ngày 01/01/2023, thực hiện điều chỉnh tăng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cán bộ y tế dự phòng và y tế cơ sở theo Kết luận số 25-KL/TW của Bộ Chính trị...

Quốc hội giao Chính phủ tập trung điều hành chính sách tài khóa phù hợp, hiệu quả, kịp thời ứng phó với biến động phức tạp của tình hình trong nước và ngoài nước, bảo đảm mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật về tài chính trong lĩnh vực đất đai theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; chỉ đạo các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả...

2.3. Nghị quyết về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023: Quốc hội đã quyết định tổng số thu ngân sách Trung ương là 863.567 tỷ đồng; tổng số thu ngân sách địa phương là 757.177 tỷ đồng; tổng số chi ngân sách trung ương là 1.294.067 tỷ đồng, trong đó dự toán 436.204 tỷ đồng để bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương. Đồng thời, giao Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên quy định trong Luật, nghị quyết có liên quan; đề cao kỷ luật, kỷ cương tài chính, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao; khẩn trương hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, kịp thời phân bổ, giao vốn để bảo đảm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân nguồn vốn trong năm 2023....

3. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã xem xét, quyết định miễn nhiệm Tổng Kiểm toán nhà nước đối với ông Trần Sỹ Thanh và phê chuẩn việc miễn nhiệm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với ông Nguyễn Văn Thể do đã nhận nhiệm vụ

khác; bầu Tổng Kiểm toán nhà nước và phê chuẩn việc bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải nhiệm kỳ 2021-2026, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước. Quốc hội đề nghị các vị mới được Quốc hội bầu, phê chuẩn nêu cao trách nhiệm, bản lĩnh, sớm nắm bắt công việc, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết có hiệu quả những vướng mắc, bất cập để tạo bước phát triển mới trong các lĩnh vực được giao phụ trách, đóng góp vào sự phát triển chung, hoàn thành tốt trọng trách được Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó, đáp ứng kỳ vọng của đại biểu Quốc hội, cử tri và Nhân dân.

4. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV với nhiều nội dung quan trọng, trong đó, đã quyết nghị: (1) Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 54/2017/QH14 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trong thời gian sớm nhất; (2) Áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật 05 năm đối với hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức đến mức phải xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách; 10 năm đối với hành vi vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên; (3) Bổ sung thông tin “nơi sinh” vào hộ chiếu cấp cho công dân Việt Nam, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho người dân khi thực hiện hoạt động nhập cảnh tại các nước...

5. Giám sát tối cao

5.1. Trong thời gian 2,5 ngày, Quốc hội đã tiến hành chất vấn đối với 03 Bộ trưởng và Tổng Thanh tra Chính phủ về các lĩnh vực: xây dựng, thông tin và truyền thông, nội vụ, thanh tra. Các vấn đề được Quốc hội lựa chọn là “trúng và đúng”, là các vấn đề mang tính thời sự, được cử tri, Nhân dân cả nước và các vị đại biểu Quốc hội quan tâm.

Phiên chất vấn và trả lời chất vấn diễn ra khẩn trương, nghiêm túc, dân chủ, trí tuệ. Các vị đại biểu Quốc hội đã nắm chắc tình hình thực tiễn, phản ánh được tâm tư, nguyện vọng của cử tri và Nhân dân, nêu câu hỏi ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề và tranh luận thẳng thắn, mang tính xây dựng, trách nhiệm cao. Các vị Bộ trưởng: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ và Tổng Thanh tra Chính phủ trả lời trực tiếp vào vấn đề được chất vấn, không né tránh, giải trình làm rõ nhiều vấn đề đại biểu Quốc hội nêu, thẳng thắn nhận trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế của ngành, lĩnh vực, đưa ra được các giải pháp thiết thực, hiệu quả, khả thi trong thời gian tới. Các vị Phó Thủ tướng, các vị Bộ trưởng, Trưởng ngành với ý thức trách nhiệm cao đã tham gia giải trình nghiêm túc, giúp làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề đại biểu Quốc hội quan tâm. Cuối phiên chất vấn, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã thay mặt Chính phủ báo cáo làm rõ những vấn đề thuộc trách nhiệm chung của Chính phủ và trực tiếp trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, trong đó, yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các vị Bộ trưởng, Trưởng ngành thực hiện quyết liệt những cam kết cụ thể về những việc phải làm và thời hạn hoàn thành để tạo chuyển biến thực sự đối với từng lĩnh vực được chất vấn,

đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cử tri và Nhân dân cả nước. Đây cũng là cơ sở để Quốc hội giám sát lại và lấy phiếu tín nhiệm tại kỳ họp thứ 6.

5.2. Trên cơ sở kết quả giám sát chuyên đề, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết “*Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*”, trong đó, yêu cầu siết chặt kỷ luật, kỷ cương, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao hiệu lực công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, xét xử trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; thường xuyên đánh giá hiệu quả thực thi các chính sách, pháp luật đã ban hành để kịp thời điều chỉnh những bất cập, mâu thuẫn; tập trung xây dựng chính sách quốc gia về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong từng giai đoạn đối với các lĩnh vực trọng yếu như: năng lượng, đất đai, tài nguyên, khoáng sản..., qua đó, nâng cao tối đa hiệu quả huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực đất nước để phát triển nhanh và bền vững.

5.3. Quốc hội đã xem xét các báo cáo về công tác tư pháp, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, thi hành án, phòng, chống tham nhũng năm 2022 và cho rằng, mặc dù tình hình trong nước và thế giới bị ảnh hưởng do đại dịch COVID-19, cạnh tranh chiến lược, xung đột, giá nguyên liệu đầu vào, giá xăng dầu, lạm phát ở nhiều nước tăng cao... nhưng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước đã chủ động tập trung chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nên công tác tư pháp và phòng, chống tham nhũng có nhiều chuyển biến tích cực góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, Quốc hội cũng thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, bất cập của từng cơ quan trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định. Trên cơ sở đó, Quốc hội đã đưa ra nhiều kiến nghị, giải pháp thiết thực nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

5.4. Về Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân gửi đến kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV; Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV

Quốc hội cho rằng, ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân cả nước đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kịp thời tổng hợp đầy đủ gửi đến Quốc hội.

Thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thứ 3, đã có 2.640 kiến nghị được tổng hợp chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Qua theo dõi, giám sát, các kiến nghị của cử tri đã được Chính phủ, các bộ, ngành tập trung nghiên cứu giải quyết, có nhiều giải pháp hữu hiệu để quản lý, điều hành. Nhiều kiến nghị của cử tri được giải quyết đã tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương, góp phần ổn định và cải thiện đời sống của Nhân dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ, ngành còn trả lời kiến nghị của cử tri chưa đúng thời hạn nên đại biểu chưa có thông tin để báo cáo trước cử tri; công tác phối hợp giữa các bộ, ngành còn chưa chặt chẽ, không kịp thời nên một số kiến nghị chưa được giải quyết; một số văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền chưa rõ ràng gây khó khăn khi triển khai thực hiện; còn có sự vướng mắc, thiếu thống nhất giữa các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nên kiến nghị của cử tri chưa được giải

quyết. Từ đó, kiến nghị Chính phủ, các bộ, ngành rà soát, khẩn trương giải quyết các kiến nghị đang trong quá trình giải quyết, bảo đảm giải quyết có chất lượng, đúng lộ trình đã báo cáo với cử tri; tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết, trả lời cử tri, khắc phục những hạn chế, bất cập.

III. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV thành công tốt đẹp, ghi nhận sự nỗ lực, quyết tâm của các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,... đã phối hợp chặt chẽ chuẩn bị nội dung, chương trình kỳ họp hiệu quả, linh hoạt trong điều hành, thực hiện. Kỳ họp tập trung thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ quan trọng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội ngày càng có chất lượng, hiệu quả, khoa học, sáng tạo, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng phát triển và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Tập trung tuyên truyền về các dự án luật được Quốc hội thông qua, cho ý kiến; Quốc hội xem xét các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và quyết định các vấn đề quan trọng, như: Nội quy kỳ họp Quốc hội, Nghị quyết về thí điểm đấu giá biển số xe ô tô, Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk,... và phân tích cụ thể các mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu, nhiệm vụ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 Quốc hội đã quyết định, trong đó yêu cầu tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh; tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, bảo vệ môi trường,... đặc biệt tập trung điều hành chính sách tài khóa phù hợp, hiệu quả, kịp thời ứng phó với biến động phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế.

3. Cổ vũ, động viên các tầng lớp Nhân dân, đồng bào ta ở nước ngoài nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết, thống nhất, phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, chủ động thích ứng linh hoạt với bối cảnh kinh tế thế giới có dấu hiệu suy giảm, để thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và các mục tiêu theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG – VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

Kỷ niệm 110 năm Ngày thành lập tỉnh Kon Tum (09/02/1913 – 09/02/2023)

I. Về tên gọi vùng đất Kon Tum, sự kiện thành lập tỉnh Kon Tum và sự biến đổi cơ bản về đơn vị hành chính của tỉnh từ năm 1913 đến nay.

1. Về tên gọi Kon Tum:

Theo ngôn ngữ của người Ba Na: “Kon” là làng, “Tum” là hồ nước. Nguyên thủy của tên gọi “Kon Tum” là “Làng Hồ” - chỉ một làng nhỏ của người Ba Na sống gần bên hồ nước cạnh dòng sông ĐăkBlá. Qua quá trình hình thành và phát triển, cùng với lợi thế về tự nhiên và có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mình, dần dần nơi đây đã thu hút sự quần cư, sinh sống ngày càng đông của nhiều dân tộc. Trong đó, có sự hiện diện từ rất sớm của các dân tộc thiểu số tại chỗ như Ba Na, Xê Đăng, Giẻ Triêng, Gia Rai, Brâu, Rơ Măm...

Trong tiến trình lịch sử, từ những thập kỷ đầu sau Công nguyên, vùng đất này đã chứng kiến nhiều cuộc giao tranh xâm chiếm của các vương quốc Chiêm Thành, Chân Lạp, Xiêm La, cũng như sự thu phục của triều đại phong kiến nhà Lê từ năm 1471 và nhà Nguyễn sau này. Tuy nhiên, cho đến trước khi thực dân Pháp xâm lược, ở Kon Tum chỉ có hình thái tổ chức phổ biến duy nhất là Làng. Làng được xem như một đơn vị hành chính mang tính bao quát và cụ thể chi phối mọi hoạt động của đời sống xã hội. Đứng đầu mỗi làng có già làng, là người có uy tín nhất, có khả năng tập hợp dân làng trong tổ chức của mình. Đặc trưng của những làng này vừa mang tính cộng đồng, vừa mang tính độc lập. Tính chất đó huy động được sức mạnh cộng đồng trong mỗi đơn vị làng, nhưng cũng phân nào kìm hãm sự trao đổi, giao lưu giữa làng này với làng khác, giữa vùng này với vùng khác.

Trong âm mưu xâm lược Việt Nam, vùng đất Kon Tum cũng nằm trong ý đồ thôn tính của thực dân Pháp. Theo chân các nhà truyền giáo, ngay từ những năm 70, 80 của thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã cho các đoàn thám hiểm để dò la, nghiên cứu địa hình, địa thế, đời sống sinh hoạt cư dân nhằm phục vụ cho âm mưu xâm lược. Sau khi chính thức đô hộ Việt Nam (bằng hòa ước Giáp thân 1884) thực dân Pháp áp dụng ngay chính sách "chia để trị" đối với Kon Tum và đặt Kon Tum cũng như các tỉnh Tây Nguyên khác trực thuộc Trung kỳ (miền Cao nguyên Trung kỳ).

2. Về sự kiện thành lập tỉnh Kon Tum và sự biến đổi cơ bản về đơn vị hành chính của tỉnh từ năm 1913 đến nay.

Cơ sở xác lập đơn vị hành chính đầu tiên ở Tỉnh Kon Tum là bắt đầu từ năm 1893. Ngày 03-10-1893: Xiêm ký với Pháp Hòa ước Bangkok công nhận chủ quyền của Pháp ở Cao nguyên Annam và nước Cao Miên. Theo đó, thực dân Pháp sáp nhập Cao nguyên Annam vào miền Nam nước Ai-Lao và đặt dưới quyền cai trị

của viên Công sứ Ai-Lao. Kon Tum chịu dưới quyền cai trị của Công sứ Ai-Lao. Tuy nhiên, Công sứ Ai Lao cách xa Kon Tum, nên để thuận tiện cho việc điều hành, thực dân Pháp đặt ở Kon Tum một toà Đại lý hành chính đầu tiên. Song, việc cai quản này vẫn chỉ trên danh nghĩa, chưa được thực thi, mãi đến năm 1898, Pháp mới chính thức giao cho một Linh mục thừa sai người Pháp tên là Viallenton trực tiếp cai quản.

Ngày 04-7-1902: Kon Tum được chuyển giao lại cho Việt Nam và đặt dưới quyền cai quản của Công sứ Bình Định.

Ngày 04-7-1905, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Plâyku Đe (Pleikou Derr), tỉnh lỵ đặt tại làng Plâycan Đe (Pleican Derr) của dân tộc Gia Rai. Địa bàn tỉnh Plâyku Đe bao gồm các vùng cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số Xê Đăng, BaNa, Gia Rai tách ra từ tỉnh Bình Định.

Ngày 12-6-1907, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định bãi bỏ tỉnh Plâyku Đe. Toàn bộ đất đai của tỉnh này chia làm hai phần: một phần gọi là *Đại lý Kon Tum (Kon Tum)*, cho sáp nhập trở lại tỉnh Bình Định và đặt dưới sự cai trị của Công sứ Bình Định; một phần gọi là *Đại lý Cheo Reo*, cho sáp nhập vào tỉnh Phú Yên và đặt dưới sự cai trị của Công sứ Phú Yên.

Ngày 09-02-1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định khôi phục lại vùng lãnh thổ tỉnh Pleikou Derr thành một tỉnh tự trị riêng và được mang tên gọi là tỉnh Kon Tum. Tỉnh lỵ đặt tại Kon Tum. Địa bàn tỉnh Kon Tum bao gồm: Trung tâm hành chính Kon Tum (*Đại lý Kon Tum*) tách từ tỉnh Bình Định; *Đại lý Cheo Reo* tách từ tỉnh Phú Yên; *Đại lý Đăk Lăk* (theo nghị định này tỉnh Đăk Lăk bị bãi bỏ đơn vị hành chính cấp tỉnh và được sáp nhập vào tỉnh Kon Tum).

*Như vậy, với Nghị định ngày 09-02-1913 của Toàn quyền Đông Dương, tỉnh Kon Tum được thành lập bao gồm một vùng đất đai rộng lớn; lần đầu tiên Kon Tum trở thành một đơn vị hành chính cấp tỉnh với tên gọi là **tỉnh Kon Tum**, có chính quyền tự trị riêng, đứng đầu là viên Công sứ Kon Tum (không còn phụ thuộc vào sự điều hành, quản lý của viên Công sứ Bình Định hay Công sứ Ai Lao trước đó).*

Ngày 28-3-1917: Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cắt tổng Tân Phong và tổng An Khê thuộc Cao nguyên An Khê, tỉnh Bình Định, để sáp nhập vào tỉnh Kon Tum.

Ngày 14-11-1917: Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập Đại lý An Khê. Phạm vi Đại lý An Khê gồm cả khu vực huyện Tân An của người Kinh và khu vực người Ba Na xung quanh đều đặt dưới quyền Công sứ Kon Tum.

Ngày 02-7-1923: Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách Đại lý Đăk Lăk ra khỏi tỉnh Kon Tum để thành lập lại tỉnh Đăk Lăk.

Ngày 24-5-1925: Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập Đại lý Pleiku, đặt dưới quyền cai trị của Công sứ Kon Tum. Ngày 03-12-1929: Khâm sứ

Trung Kỳ ra Nghị định thành lập Thị xã Kon Tum và Thị xã Pleiku thuộc tỉnh Kon Tum.

Ngày 24-5-1932: Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách đại lý Pleiku khỏi tỉnh Kon Tum để thành lập tỉnh Pleiku.

Ngày 09-8-1943: Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách Đại lý An Khê ra khỏi tỉnh Kon Tum để sáp nhập vào tỉnh Plâyku.

Ngày 25-8-1945, Nhân dân các dân tộc Kon Tum đã hoàn thành việc khởi nghĩa giành chính quyền về tay cách mạng. Từ đó đến trước khi thực dân Pháp xâm lược Kon Tum lần thứ 2 (ngày 26-6-1946), chính quyền cách mạng được xây dựng và củng cố trên toàn tỉnh. Toàn tỉnh được đặt 4 đơn vị hành chính cấp huyện, thị trực thuộc là: huyện Đăk Tô, Đăk Gle, Kon Plong và thị xã Kon Tum.

Tháng 6-1946, thực dân Pháp đánh chiếm Kon Tum lần thứ 2, chúng tiến hành thiết lập chế độ trực trị kiểu cũ. Trong âm mưu chia cắt và chiếm đóng lâu dài Kon Tum, từ giai đoạn 1946 đến 1954, đối với vùng tạm chiếm đóng của thực dân Pháp, tỉnh Kon Tum có sự phân chia đơn vị hành chính như sau:

*** Về phía thực dân Pháp:**

Ngày 27-5-1946: thực dân Pháp thành lập Ủy phủ Liên bang phụ trách các dân tộc sơn cước miền Nam Đông Dương gồm các tỉnh Đăk Lăk, Đồng Nai Thượng, Lâm Viên, Kon Tum, Pleiku. Trụ sở Ủy phủ Liên bang đặt tại Buôn Ma Thuột. Ủy phủ Liên bang do một Ủy viên Cộng hòa Pháp đứng đầu, trực thuộc Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

Ngày 04-6-1947: thực dân Pháp đổi Tòa Ủy phủ Liên bang sơn cước thành Tòa phụ trách các dân tộc sơn cước miền Nam Đông Dương.

Năm 1949: thực dân Pháp trao trả độc lập giả hiệu cho Bảo Đại.

Ngày 15-4-1950: Bảo Đại ra Đạo dụ số 6 tổ chức vùng Cao Nguyên thành 2 Hoàng triều Cương Thổ Bắc và Nam đặt dưới quyền quản trị của Khâm Mạng Hoàng triều Cương Thổ. Người Kinh lên Cao Nguyên vẫn bị hạn chế đến mức tối đa.

Ngày 25-7-1950 (theo Điều 2 Sắc lệnh số 3) của chính quyền bù nhìn Bảo Đại, các tỉnh Kon Tum, Pleiku, Đăk Lăk, Đồng Nai Thượng, Lâm Viên hợp thành một địa phận hành chính riêng biệt: gọi là *Cao nguyên miền Nam thuộc Hoàng Triều Cương Thổ* dưới quyền một ủy viên Đức Quốc Trưởng, và đặt dưới quyền Tòa Khâm Mạng do một vị Khâm Mạng quyền hành, một Quốc Vụ Khanh trông coi.

Tháng 3-1951: thực dân Pháp quyết định tách Tây Nguyên ra khỏi vùng Nam Trung bộ, lập ra quân khu Tây Nguyên trực thuộc Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp. Dưới quân khu, có biệt khu quân sự Kon Tum và các tiểu khu quân sự: tiểu khu Đồng Nai Thượng, tiểu khu Buôn Ma Thuột, tiểu khu Pleiku.

Ngày 21-5-1951: Quốc trưởng Bảo Đại ban hành Đạo dụ số 10, ấn định quy chế riêng biệt cho đồng bào các dân tộc ít người Tây Nguyên.

Ngày 27-7-1953: Thủ tướng Chính phủ quốc gia Việt Nam ra Nghị định số 495-Cab/MI đặt các thị trấn các tỉnh thuộc Hoàng triều cương thổ phía nam: Kon Tum, Pleiku, Buôn Mê Thuột, Drah, Djiring, Blao.

*** Về phía cách mạng:**

Ngày 15-4-1950: Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 07/NĐ-TTg sáp nhập hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai thành một đơn vị kháng chiến hành chính lấy tên là liên tỉnh Gia Lai-Kon Tum (gọi tắt là tỉnh Gia - Kon). Ranh giới của tỉnh Gia-Kon là ranh giới địa hạt của hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai nhập lại. Các cấp chính quyền huyện và xã Kon Tum, Gia Lai được đặt dưới quyền điều hành trực tiếp của Ủy ban Kháng chiến Hành chính liên tỉnh. Khi mới thành lập, tỉnh Gia-Kon chia địa bàn quản lý trong tỉnh thành 7 huyện (tương đương 7 khu). Phạm vi tỉnh Kon Tum (cũ) có 3 huyện: Đăk Gleï (Khu 1), Đăk Tô (Khu 2), Kon Plong (Khu 3).

Năm 1951, để tiện sự chỉ đạo việc xây dựng những cơ sở đã gây dựng được, tỉnh Gia-Kon đã thành lập 3 phân khu đặc biệt gồm: Phân khu Chư Ty thuộc huyện Đăk Bót (Gia Lai) và chia vùng phía Tây của huyện Đăk Gleï (Kon Tum) thành Phân khu riêng Tây Đăk Gleï, chia vùng phía Tây của huyện Plei Kon (Gia Lai) thành Phân khu Tây Plei Kon; đồng thời cùng với 3 Phân khu đặc biệt, các địa bàn còn lại trong tỉnh Gia-Kon được chia lại thành 5 huyện gồm: huyện Đăk Gleï (gồm các xã: Ponpang, Đoàn, Takminh, Tân Túc, Tung Bung, MăngCri, Hàlang, Giăng, Đăk Pung, Vonkheng, Đăkt'ring, Đăkt'bay), Kon Plong (gồm các xã: Hiếu, Kon Hà Nừng, Krem, Konmahar, Đăkrong, Đăklon, Măng Cành, Măng But); huyện Đăk Bót, An Khê, Plei Kon (Gia Lai)[1].

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, tháng 8-1954 tỉnh Gia-Kon được chia tách lại thành hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai. Mặt trận Miền Tây (chỉ đạo về mặt quân sự) gồm địa bàn tỉnh Kon Tum và 4 huyện miền núi phía tây tỉnh Quảng Ngãi (Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Hà, Minh Long) cũng được giải thể. Tỉnh Kon Tum trở thành một đơn vị hành chính độc lập[2].

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, theo tinh thần nội dung Hiệp định, tỉnh Kon Tum tạm thời giao cho chính quyền miền Nam quản lý để chờ ngày tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Thời kỳ đầu thực dân Pháp tiếp quản, đến năm 1955, Mỹ gạt Pháp, dựng nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm tiếp tục thực hiện âm mưu xâm lược Việt Nam. Từ đây, Kon Tum tiếp tục có những thay đổi về địa giới quản lý hành chính.

*** Về phía Mỹ - ngụy:**

Ngày 11-3-1955: Theo yêu cầu của Ngô Đình Diệm, Bảo Đại phê chuẩn Đạo dụ số 21: hủy bỏ Hoàng triều Cương Thổ, sáp nhập các vùng Cao Nguyên miền

Nam và miền Bắc vào lãnh thổ quốc gia Việt Nam và đặt hoàn toàn thuộc quyền quản lý của Chính phủ Quốc gia.

Ngày 24-10-1956: Tổng thống Việt Nam Cộng hoà ra Sắc lệnh số 147a/NV sáp nhập Cao nguyên miền Nam cũ với Trung Việt cũ thành Trung phần, gồm có 2 miền: Cao nguyên Trung Phần và Trung nguyên Trung Phần. Theo đó, tỉnh Kon Tum thuộc Cao nguyên Trung Phần.

Ngày 27-6-1958: Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hoà ra Nghị định số 348-BNV/HC/P6 ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Kon Tum gồm 4 quận: Kon Tum, Đăk Tô, Đăk Sút, Kon Plong, với 26 tổng, 120 xã. Tỉnh lỵ đặt tại xã Châu Thành, quận Kon Tum.

Ngày 08-7-1958: Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hoà ra Nghị định số 367-BNV/HC/P6/NĐ phân chia quận Đăk Tô thành hai quận: quận Đăk Tô và quận Tu Mơ Rông. Theo đó, địa hạt quận Đăk Tô gồm 04 tổng: tổng Đăk Tô, tổng Đăk Brong, tổng Kon Hring, tổng Đăk Mot; địa hạt quận Tu Mơ Rông gồm 04 tổng: Tổng Tu Mơ Rông, tổng Virngieo, tổng Măng Buk, Kon Kléang.

Ngày 09-9-1959: Tổng thống Việt Nam Cộng hoà ra Sắc lệnh số 234-NV thành lập một quận mới gọi là quận Chương Nghĩa, thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Quận Chương Nghĩa bao gồm phần đất của quận Kon Plong, thuộc tỉnh Kon Tum, trừ các xã Kon Tileo, Kon Brap, Kon Braplu, Kon Kotuk. Quận lỵ Chương Nghĩa đặt tại Thượng Uyển.

Ngày 11-9-1959: Tổng thống Việt Nam Cộng hoà ra Sắc lệnh số 236-NV cắt một phần đất nguyên thuộc tỉnh Kon Tum sáp nhập vào quận Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Phần đất được cắt từ tỉnh Kon Tum chia làm hai xã: xã Hà Dung và xã Hà Liên đặt trong phạm vi kiểm soát của cơ sở Hành chính Cư Nhon, trực thuộc quận Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 19-12-1964: Thủ tướng Việt Nam Cộng hoà ra Sắc lệnh số 362-Nv sáp nhập quận Chương Nghĩa nguyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi vào tỉnh Kon Tum.

Sau năm 1965, quận Đăk Sút bị ta tấn công tiêu diệt, bộ máy quận lỵ phải dời về đóng tại xã Đăk Chu thuộc quận Đăk Tô. Quận Tu Mơ Rông sau nhiều lần bị ta tấn công, uy hiếp nên dịch giảm quận đặt thành Cơ sở Phái viên hành chính.

Tháng 6-1970, trong phạm vi quản lý của chính quyền Sài Gòn, toàn tỉnh Kon Tum có 2 quận: Kon Tum và Đăk Tô, 3 phái viên hành chính: Đăk Sút. Măng Bút và Chương Nghĩa. Toàn tỉnh có 64 xã, 249 ấp.

Năm 1972, ta giải phóng Đăk Tô-Tân Cảnh, dịch dời quận lỵ Đăk Tô về đóng lưu vong tại đèo Sao Mai (phía Đông Nam Thị xã Kon Tum).

Ngày 16-3-1975: tỉnh Kon Tum được hoàn toàn giải phóng, bộ máy chính quyền địch hoàn toàn bị xoá bỏ.

*** Về phía ta:**

Thực hiện tinh thần Hiệp định Giơnevơ (1954), ta bàn giao địa bàn cho địch quản lý chờ tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Tuy nhiên, dự lường trước những âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, bộ máy chính quyền cách mạng của tỉnh tổ chức hoạt động bí mật và tạm thời chia địa bàn tỉnh thành 6 khu để phân công chỉ đạo, quản lý.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (tháng 3-1960), Tỉnh uỷ quyết định giải thể các khu, thành lập các huyện và gọi theo mật danh các H (H16, H29, H30, H40, H80, H67). Đầu năm 1961, khu vực Thị xã Kon Tum được đặt tên theo mật danh là H5.

Năm 1969, thành lập H9, phần đất H9 bao gồm khu đồn Kon Mong, Kon Kơ La, khu đồn Kon Hring, dinh điền Diên Bình, vùng Đăk Cang.

Tháng 11-1970: Khu uỷ V quyết định thành lập Khu Yên Thế gồm phần đất hai huyện 30 và 40, trực thuộc hệ chỉ đạo chung của Khu A.

Tháng 4-1972, với chiến thắng Đăk Tô-Tân Cảnh, ta giải phóng vùng đất đai rộng lớn ở khu vực phía Bắc tỉnh, để phù hợp với tình hình mới, Tỉnh uỷ quyết định giải thể H9, địa bàn H9 được phân chia về H80 và H16.

Tháng 7-1972: Khu uỷ V quyết định chuyển Khu Yên Thế trở lại Kon Tum và trực thuộc sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh Kon Tum.

Sau đại thắng Mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, để đáp ứng yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, ngày 29-9-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khoá III đã ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ khu hợp tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết 245 của Bộ Chính trị, ngày 29-10-1975, Uỷ ban nhân dân cách mạng Khu Trung Trung bộ ra Quyết định sáp nhập hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai thành một tỉnh lấy tên là tỉnh Gia Lai-Kon Tum. Tỉnh lỵ đặt tại Thị xã Pleiku.

Ngày 12-8-1991: Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 9 ra Nghị quyết về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, tỉnh Gia Lai - Kon Tum được chia thành 2 tỉnh lấy tên là tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai. Khi chia tách, tỉnh Kon Tum có 5 đơn vị hành chính, gồm: Thị xã Kon Tum và 4 huyện: Đăk Tô, Đăk Glei, Sa Thầy và Kon Plong. Diện tích tự nhiên 13.000km², với số dân 230.000 người. Tỉnh lỵ đóng tại Thị xã Kon Tum.

Ngày 10-4-2009, Chính phủ ban hành Nghị định 15/NĐ-CP về thành lập Thành phố Kon Tum.

Qua quá trình chia tách, tính đến nay, tỉnh Kon Tum có 9 huyện và 1 thành phố với 102 xã, phường, thị trấn gồm: Thành phố Kon Tum, các huyện: Sa Thầy, Kon Rẫy, Kon Plong, Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Tu Mơ Rông, Đăk Glei, Ia H'Rai. Diện tích tự nhiên khoảng 10.000 km², chiếm 17,2% diện tích vùng Tây

Nguyên. dân số toàn tỉnh có gần 550 nghìn người, với 28 dân tộc, trong đó có trên 53% số dân là người dân tộc thiểu số.

II. Kon Tum trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay.

Sau giải phóng, Kon Tum gặp không ít khó khăn. Bên cạnh việc cứu đói, ổn định đời sống Nhân dân, tỉnh đã đặc biệt chú trọng công tác định canh, định cư khai hoang, đẩy mạnh sản xuất, đặc biệt là khai hoang mở rộng diện tích lúa nước hai vụ. Đến tháng 10-1975, tỉnh đã khai hoang được 736,3 ha, phục hoá được 471 ha, tổng diện tích đất gieo trồng của tỉnh là 14.661 ha; từ 806 con trâu (năm 1974) tăng lên 3.114 con (năm 1975). Hoạt động thương nghiệp, giao thông vận tải, bước đầu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đi lại của Nhân dân. Hệ thống giáo dục của tỉnh cũng dần dần được phục hồi và ổn định; hệ thống các cơ sở y tế được khôi phục để chăm sóc sức khoẻ Nhân dân.

Cuối năm 1975, Kon Tum và Gia Lai sáp nhập lại thành tỉnh Gia Lai-Kon Tum. Đảng bộ và Nhân dân tỉnh tiếp tục khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa đấu tranh chống âm mưu, lấn chiếm biên giới của tập đoàn phản động Pôn Pôt, tấn công truy quét tàn quân FULRO và các thế lực phản động khác. Với tinh thần, nghị lực đã được tôi luyện từ chính cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo toàn quân, toàn dân trong tỉnh đạt được những thành tích quan trọng trên các lĩnh vực.

Tuy vậy, nằm trong tình trạng chung của cả nước, trong thập kỷ đầu sau giải phóng, bên cạnh những thành quả đã đạt được, chúng ta vấp phải một số sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo dẫn tới sự trì trệ, khủng hoảng về kinh tế-xã hội trầm trọng. Để khắc phục sai lầm, Đảng ta đã nhìn thẳng vào sự thật, tìm ra đường lối đổi mới đất nước, kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Bác, Đảng và nhân dân đã lựa chọn. Dưới ánh sáng đường lối đổi mới từ Đại hội lần thứ VI của Đảng, Đảng bộ tỉnh đã kịp thời làm tốt công tác tư tưởng, củng cố niềm tin vững chắc trong toàn Đảng bộ và quân, dân tỉnh nhà, đoàn kết nhất trí, ra sức thi đua, phấn đấu thực hiện mục tiêu kinh tế xã hội giai đoạn 1986-1990 và đạt được những kết quả tích cực bước đầu: khắc phục một bước quan trọng về lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; bước đầu ổn định đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tạo ra những nhân tố mới tích cực để đưa tỉnh nhà nhanh chóng thoát khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Mặc dù kết quả chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, đặc biệt là ba chương trình kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, nhưng bước đầu tạo sự chuyển biến quan trọng trên các mặt kinh tế, văn hóa- xã hội và củng cố quốc phòng an ninh trong thời kỳ đầu cùng cả nước thực hiện đường lối đổi mới.

Ngày 12-8-1991, Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VIII đã ra Nghị quyết giải thể tỉnh Gia Lai-Kon Tum và thành lập lại 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Việc thành lập

lại tỉnh Kon Tum xuất phát từ yêu cầu phát triển chung của đất nước trong thời kỳ đổi mới, xu thế và điều kiện phát triển của khu vực Tây Nguyên và tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân các dân tộc tỉnh nhà. Khi mới thành lập lại tỉnh, đời sống Nhân dân còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng với tinh thần tự lực, tự cường, cần cù sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết một lòng đồng tâm hiệp lực, phát huy truyền thống cách mạng, phát huy những tiềm năng, thế mạnh sẵn có, tranh thủ sự hỗ trợ đầu tư của Trung ương, quyết tâm củng cố, xây dựng tỉnh phát triển theo bước đi chung của cả nước.

Sau 30 năm thành lập lại, tỉnh Kon Tum đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng, tạo được những dấu ấn khá rõ nét về phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh, đối ngoại; công tác xây dựng Đảng được tăng cường, hệ thống chính trị từng bước được kiện toàn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đời sống của Nhân dân ngày càng phát triển, góp phần vào thành tựu chung của đất nước trong công cuộc đổi mới vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Về Kinh tế: Đến cuối năm 2020 tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt 25.851 tỷ đồng. Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 9,13%/năm; thu nhập bình quân đầu người năm 2020 khoảng 31,5 triệu đồng; thu ngân sách nhà nước tại địa bàn đến năm 2020 đạt 3.505 tỷ đồng. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ được chú trọng triển khai, một số sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu. Chăn nuôi có bước phát triển, chuyển dịch mạnh từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, liên kết và ứng dụng công nghệ cao. Nuôi trồng, khai thác thủy sản tăng trưởng khá. Lĩnh vực lâm nghiệp phát triển theo hướng bền vững. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng đều qua các năm; kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt 150 triệu USD. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, chăm sóc sức khỏe, giải trí... có bước phát triển. Hạ tầng du lịch từng bước được đầu tư hoàn thiện, trong đó đã cho chủ trương đầu tư một số dự án phát triển du lịch sinh thái, nhiều tour, tuyến, điểm du lịch được đưa vào khai thác, lượng khách du lịch đến tỉnh bình quân tăng 23%/năm. Các ngành kinh tế mũi nhọn, sản phẩm chủ lực tiếp tục được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và được đầu tư phát triển. Công tác quy hoạch từng bước được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tốt, đúng định hướng tiềm năng, thế mạnh của từng ngành, từng địa phương.

Các dự án trọng điểm của tỉnh được đẩy mạnh thực hiện, nhất là hạ tầng giao thông; các tuyến giao thông nội tỉnh được đầu tư, nâng cấp, nhiều công trình, cụm công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, phục vụ tốt nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân. Hạ tầng lưới điện, thông tin, truyền thông, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao, du lịch được đầu tư hoàn thiện.

Năm 2020, có 99,3% hộ gia đình sử dụng điện; 100% thôn có điện; trên 89% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Kết cấu hạ tầng đô thị được chỉnh trang, đầu tư nâng cấp, mở rộng, gắn với xây dựng các khu đô thị mới. Các khu, cụm công nghiệp được tập trung đầu tư đưa vào hoạt động. Đến nay có 28 xã đạt chuẩn nông thôn mới; cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã nông thôn mới ngày càng được hoàn thiện, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế và giảm nghèo, nâng cao cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với khu vực nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Doanh nghiệp ngoài nhà nước phát triển nhanh và đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của tỉnh. Kinh tế tập thể, hợp tác xã đã có bước phát triển, đời sống của các thành viên được cải thiện. Hội nhập kinh tế quốc tế có chuyển biến tích cực, đã tăng cường mở rộng quan hệ với các nước trong cộng đồng ASEAN, một số nước Châu Á và Châu Âu nhằm thu hút đầu tư các nguồn lực nước ngoài, góp phần quảng bá hình ảnh của tỉnh, tạo cơ hội thu hút đầu tư, viện trợ.

Về văn hóa- xã hội: Nhiều giá trị văn hóa tốt đẹp, đặc sắc của các dân tộc được khôi phục, bảo tồn và phát huy; một số nghề thủ công truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh tiếp tục được khôi phục, phát triển. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" và việc xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa đạt kết quả, có 587/1.045 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 56%; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố văn hóa đạt 74%. Chất lượng giáo dục-đào tạo chuyển biến tích cực, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hệ thống trường, lớp học tiếp tục được củng cố, sắp xếp, tạo thuận lợi cho người học, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, tỷ lệ lao động được đào tạo đến năm 2020 là 52%. Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân được nâng lên; hạ tầng cơ sở và trang thiết bị khám, chữa bệnh được đầu tư, nâng cấp; mạng lưới y tế từng bước được sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu quả; 100% xã, phường, thị trấn được công nhận đạt Bộ tiêu chí Quốc gia y tế xã giai đoạn 2011-2020. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được nâng lên; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm đạt 90,6%. Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, các chương trình, dự án đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được tập trung thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng; tình hình kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn có nhiều chuyển biến; tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 4,05%/năm.

Thông tin-truyền thông phát triển mạnh mẽ; công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi và phát huy hiệu quả. Cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ phát thanh-truyền hình từng bước được nâng cao, phong phú về nội dung, đa dạng loại hình dịch vụ, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin và giải trí của Nhân dân.

Về quốc phòng, an ninh: Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững mạnh toàn diện, các tiềm lực trong khu vực phòng thủ được củng cố, tăng cường. Chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang tỉnh được nâng lên. An ninh biên giới được bảo đảm, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật được kiềm chế.

Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị: Đã kịp thời tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước; công tác thông tin, tuyên truyền, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch được tăng cường, mang lại hiệu quả rõ rệt; tinh thần cảnh giác cách mạng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch được nâng lên. Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế được thực hiện đồng bộ, hiệu quả; đội ngũ cán bộ cấp xã từng bước được chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng tiếp tục được thực hiện thường xuyên, đúng quy trình, quy định góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng. Công tác dân vận của cả hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tích cực với phương châm hướng mạnh về cơ sở bằng nhiều phong trào thiết thực, hiệu quả. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ngày càng đi vào nền nếp, đạt nhiều kết quả. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp được nâng lên, nhất là trong việc quyết định và giám sát việc triển khai những vấn đề quan trọng của địa phương. Năng lực quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của UBND và các cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục được nâng lên, nhất là trong việc điều hành ngân sách, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, xã hội. Công tác cải cách hành chính có chuyển biến tích cực; cơ chế một cửa - một cửa liên thông cơ bản hoạt động hiệu quả; đã thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh với 1.357 thủ tục được giải quyết tại Trung tâm, đạt tỷ lệ 95% trên tổng số thủ tục hành chính cấp tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa cấp huyện, cấp xã tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Triển khai xây dựng, thực hiện Hệ thống thông tin điện tử và công dịch vụ công 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do các cấp, các ngành phát động được Nhân dân tích cực tham gia, hưởng ứng và ngày càng phát huy hiệu quả.

Trải qua 110 năm lịch sử kể từ khi tỉnh Kon Tum được chính thức thành lập, với truyền thống kiên cường, bất khuất được hun đúc từ trong quá trình xây dựng và bảo vệ vùng đất của cha ông, Nhân dân các dân tộc Kon Tum, đã phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đấu tranh chống giặc

ngoại xâm, xây dựng tỉnh nhà ngày càng ổn định, phát triển. Tự hào với thành quả to lớn, với thế và lực của tỉnh trong những chặng đường lịch sử đã qua, toàn Đảng bộ, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh Quyết tâm ***“Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; năng động, sáng tạo; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; giữ vững quốc phòng, an ninh; huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đưa tỉnh Kon Tum phát triển nhanh và bền vững”***, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

